

# SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH

## CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT (BÀI THI ĐẠI TRÀ) MÔN NGỮ VĂN

(Ban hành kèm theo Công văn số 1276 /SGDDĐT-QLCL, ngày 20 /8/2024 của Sở GDĐT Ninh Bình)

### I. Cấu trúc chung: Đề thi gồm 02 phần

- Thời gian làm bài: 120 phút.
- Phần 1: Đọc hiểu (4,0 điểm)
- Phần 2: Viết (6,0 điểm)
- + Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn Nghị luận xã hội hoặc Nghị luận văn học.
- + Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn Nghị luận văn học hoặc Nghị luận xã hội.

### II. Mức độ yêu cầu của đề: thiết kế theo thang năng lực với các mức độ **nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.**

- Nhận biết: 20%
- Thông hiểu: 30%
- Vận dụng: 30%
- Vận dụng cao: 20%

### III. Phạm vi và định hướng đánh giá

#### 1. Đọc hiểu:

Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, thuộc một trong ba loại: văn bản văn học (thơ hiện đại/truyện hiện đại), văn bản nghị luận và văn bản thông tin; có trích dẫn chính xác nguồn của văn bản.

#### 2. Viết

**a. Nghị luận xã hội:** Vấn đề nghị luận không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi; có thể bàn luận về một khía cạnh hoặc một vấn đề tư tưởng, đạo lí; hiện tượng đời sống hoặc một vấn đề xã hội cần giải quyết.

**b. Nghị luận văn học:** Nội dung kiến thức của đề thi thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS, tập trung chủ yếu ở lớp 9. Sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa hiện hành, **thuộc 2 thể loại thơ hiện đại hoặc truyện hiện đại.** Có thể yêu cầu phân tích, đánh giá một văn bản/đoạn trích hoặc làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản/đoạn trích.

3. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết đoạn văn, nghị luận văn học yêu cầu viết bài văn. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết bài văn, nghị luận văn học yêu cầu viết đoạn văn. Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề thi chính thức không quá 1000 chữ.

### IV. Yêu cầu cụ thể

#### Dạng đề 1:

#### 1. Phần Đọc hiểu văn bản (4,0 điểm)

- Ngữ liệu đọc hiểu là 1 văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin ngoài chương trình, đồng dạng với các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn cấp THCS, **có trích dẫn chính xác nguồn của văn bản.**

- Số lượng câu hỏi: gồm 04 câu
- Hình thức câu hỏi: Tự luận, trong đó:
  - + 02 câu nhận biết (mỗi câu 1,0 điểm).
  - + 01 câu thông hiểu (1,0 điểm).
  - + 01 câu vận dụng (1,0 điểm).
- Mức độ của câu hỏi: phù hợp với kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT đại trà, đánh giá được năng lực của học sinh, đảm bảo yêu cầu của chương trình GDPT 2018.
- Nội dung: các câu hỏi khai thác các đặc trưng về nội dung, hình thức của thể loại văn bản; liên hệ đến thực tế đời sống hoặc những tác động của văn bản đến học sinh.
- Hình thức diễn đạt câu hỏi: Phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, tránh hỏi trừu tượng, dễ gây hiểu nhầm hoặc trả lời không chính xác, trả lời sai. Mỗi câu hỏi chỉ chứa 1 yêu cầu trả lời, nếu chứa 2 yêu cầu thì 2 yêu cầu đó phải lôgic, liên quan đến nhau.

## **2. Phần Viết (6,0 điểm):** Gồm 02 câu

### **a. Câu 1 (2,0 điểm):** Viết đoạn văn nghị luận xã hội

- Yêu cầu về hình thức: Viết đoạn văn nghị luận xã hội khoảng 200 chữ; kết cấu chặt chẽ; có luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận.

- Yêu cầu về nội dung: Nghị luận về **một khía cạnh** của vấn đề xã hội cần giải quyết. Vấn đề nghị luận không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi.

### **b. Câu 2 (4,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận văn học

\* Yêu cầu về hình thức: Bài văn nghị luận văn học khoảng 500 chữ, có đủ bộ cục (mở bài, thân bài, kết luận); kết cấu chặt chẽ; có hệ thống luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, trong sáng, lưu loát, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Quá trình làm bài, học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận (giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận...), kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận.

\* Yêu cầu về nội dung:

Tùy vào nội dung tác phẩm/đoạn trích mà linh hoạt yêu cầu nội dung nghị luận (về một đặc trưng của thể loại, về một yếu tố thuộc nội dung và hình thức, về một vấn đề, một khía cạnh... của tác phẩm hoặc đoạn trích).

#### **Yêu cầu đối với tác phẩm văn học được lựa chọn để HS nghị luận:**

- Là những tác phẩm/đoạn trích nằm ngoài chương trình sách giáo khoa, có nguồn trích dẫn rõ ràng.

- Thuộc một trong hai thể loại: thơ hiện đại, truyện ngắn hiện đại.

- Nội dung của các tác phẩm/đoạn trích có nội dung và hình thức dễ tiếp nhận, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh lớp 9 THCS, có ý nghĩa nhân văn, giáo dục; không lựa chọn các tác phẩm/đoạn trích quá hàn lâm, khó hiểu, khó tiếp nhận hoặc phi thẩm mỹ.

- Độ dài của tác phẩm/đoạn trích vừa phải, phù hợp với câu NLVH 4,0 điểm và tổng thời gian của bài thi 120 phút.

- Trường hợp đề thi yêu cầu nghị luận về một đoạn trích thì cần có chú thích ngắn gọn vài nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm, tóm lược phần trước và sau đoạn trích (in nghiêng và cỡ chữ nhỏ).

## Dạng đề 2:

### **1. Phần Đọc hiểu văn bản (4,0 điểm)**

- Ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học (thơ hiện đại/truyện hiện đại) hoặc văn bản nghị luận văn học ngoài các bộ sách giáo khoa hiện hành, đồng dạng với các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn cấp THCS, **có trích dẫn chính xác nguồn của văn bản.**

- Số lượng câu hỏi: gồm 04 câu
- Hình thức câu hỏi: Tự luận, trong đó:
  - + 02 câu nhận biết (mỗi câu 1,0 điểm).
  - + 01 câu thông hiểu (1,0 điểm).
  - + 01 câu vận dụng (1,0 điểm).

- Mức độ của câu hỏi: phù hợp với kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT đại trà, đánh giá được năng lực của học sinh, đảm bảo yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Nội dung: các câu hỏi khai thác các đặc trưng về nội dung, hình thức của thể loại văn bản; liên hệ đến thực tế đời sống hoặc những tác động của văn bản đến học sinh.

- Hình thức diễn đạt câu hỏi: Phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, tránh hỏi trừu tượng, dễ gây hiểu nhầm hoặc trả lời không chính xác, trả lời sai. Mỗi câu hỏi chỉ chứa 1 yêu cầu trả lời, nếu chứa 2 yêu cầu thì 2 yêu cầu đó phải logic, liên quan đến nhau.

### **2. Phần Viết (6,0 điểm):** Gồm 02 câu

#### **a. Câu 1 (2,0 điểm):** Viết đoạn văn nghị luận văn học

- Yêu cầu về hình thức: Viết đoạn văn nghị luận văn học khoảng 200 chữ; kết cấu chặt chẽ; có luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp...

- Yêu cầu về nội dung: Nghị luận về **một đặc điểm** thuộc phương diện nội dung hoặc hình thức **của văn bản đã được trích ở phần đọc hiểu.**

#### **b. Câu 2 (4,0 điểm):** Viết bài văn nghị luận xã hội

\* Yêu cầu về hình thức: Viết được một bài văn nghị luận khoảng 500 chữ về một vấn đề xã hội cần giải quyết, đảm bảo đủ bố cục (mở bài, thân bài, kết luận); kết cấu chặt chẽ; có hệ thống luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, trong sáng, lưu loát, đảm bảo chính tả và ngữ pháp... Quá trình làm bài, học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận (giải thích, chứng minh, phân tích,...), kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận.

\* Yêu cầu về nội dung:

Nội dung nghị luận là một vấn đề xã hội cần giải quyết. Tập trung vào những vấn đề liên quan đến việc bày tỏ quan điểm, đề xuất giải pháp, lựa chọn cách ứng xử trước những vấn đề xã hội gần gũi với học sinh, có tính thực tiễn (các vấn đề về lối sống, tư tưởng của giới trẻ, quan hệ giữa bản thân với những người xung quanh, vấn đề lựa chọn nghề nghiệp, sự phát triển của công nghệ, trí tuệ nhân tạo,...)

## **V. Một số lưu ý**

### **1. Về phạm vi kiến thức, năng lực**

- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung: Góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình GDPT 2018.

- Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù:

+ Đảm bảo năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; biết đọc văn bản theo kiểu, loại; hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản.

Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.

+ Đảm bảo năng lực văn học: Nhận biết và phân biệt được các loại văn bản văn học: truyện hiện đại, thơ hiện đại và một số thể loại tiêu biểu cho mỗi loại; phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của văn bản văn học. Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

+ Dạng thực hành viết tập trung chủ đạo trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó phân vận dụng và vận dụng cao sẽ có yêu cầu phù hợp với mức độ của đề thi dành cho học sinh đại trà.

+ Nội dung yêu cầu đảm bảo đánh giá được năng lực, phẩm chất cơ bản học sinh đã được rèn luyện nhưng có tính mở, không áp đặt, không yêu cầu thực hiện nội dung mang tính lí thuyết, sao chép, tái hiện mà tập trung yêu cầu nội dung mang tính vận dụng, thực hành, phát huy năng lực tự chủ, phẩm chất, tư duy sáng tạo và năng lực văn học của học sinh; tạo cơ hội để học sinh khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống, những trải nghiệm vào quá trình viết từ đó tạo ra được sản phẩm có tính nhân văn, có chất văn.

## **2. Về hướng dẫn chấm**

- Theo đặc thù bộ môn, hướng dẫn chấm định tính chứ không định lượng, người làm bài có thể thực hiện triển khai, trình bày theo các cách khác nhau miễn là đạt được yêu cầu của đề.

- Yêu cầu của hướng dẫn chấm cụ thể, rõ ràng nhưng không để xảy ra tình trạng đếm ý cho điểm mà vẫn phải giúp người chấm nhìn thấy sự tổng hòa chặt chẽ của nội dung và hình thức trình bày trong bài làm của học sinh để chấm đúng yêu cầu đặc thù bộ môn, chính xác và khách quan.

- Không áp đặt nội dung trả lời duy nhất; đề xuất được các phương án trả lời khác nhau (nếu có). Chấp nhận những ý kiến phản biện nhưng ý kiến ấy phải có cơ sở khoa học vững vàng, thuyết phục. Khi đánh giá bài làm của học sinh, cần hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm; tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật./.

-----Hết-----

(Đề thi gồm 02 phần, trong 02 trang)

## I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

### LỄ SỐNG CỦA THANH NIÊN, SINH VIÊN

(1) Đỉnh núi cao không dành cho những người hèn nhát và lười vận động, đỉnh tri thức không có chỗ cho kẻ chỉ rong chơi. Nếu không có sự miệt mài, tìm tòi khám phá và dốc lòng cho những đam mê thì làm sao có một Edison vĩ đại và bóng đèn chiếu sáng hôm nay. Đi đến tận cùng đam mê là điều không dễ, vì có lúc tuổi trẻ nóng vội, khao khát nhanh chóng thành công nên vội vàng đốt cháy giai đoạn khiến những dự định trở thành dang dở. Giữ được lửa nhiệt huyết trong tâm hồn và kiên trì trong ý nghĩ đúng là điều rất quan trọng. Nếu cháy bùng lên rồi vụt tắt thì đó chỉ là một ánh sao băng giữa thiên hà vô tận.

(2) Đừng sợ! Nỗi sợ hãi sẽ giết chết mọi manh nha của bao ý nghĩ táo bạo, và sợ hãi sẽ là ngục tù của trí tuệ. Khi cái đầu vẫn bị đóng khung trong giới hạn thì ý tưởng có chăng cũng chỉ dừng lại những cái đã có rồi. Tự do chỉ có được khi nắm được và dự báo được quy luật, ý tưởng tốt đẹp phải được nảy mầm từ những khát khao chính đáng, mọi mơ hồ cùng lắm là ánh trăng suông. Nếu mãi miết trên đất liền và lo cuồng phong, bão tố thì làm sao Christopher Columbus có cuộc phiêu lưu để tìm ra châu Mỹ bao la?

(3) Đất mãi mãi là đất, rừng mãi mãi là rừng, biển cả bao la vẫn quanh năm sóng vỗ, phố xá vẫn quen từng bước chân về. Ta nghĩ gì và làm gì trên đất, ta nghĩ gì để rừng mãi xanh tươi, ta nghĩ gì để biển khơi không chỉ đem về tôm cá mà cả những vần thơ làm dịu mát tâm hồn? Vẫn là đất, vẫn là rừng, vẫn là biển cả, vẫn là phố xưa nhưng no ấm đủ đầy? Phải làm sao? Các bạn hãy dành nhiều thời gian để nghĩ về điều đó và ra tay vì năm tháng chẳng đợi chờ, tuổi xuân trôi qua nhanh lắm.

(Trích *Những lời chia sẻ*, Nguyễn Văn Minh, NXB Đại học Sư phạm, 2023, tr.239-240)

Trả lời các câu hỏi sau:

**Câu 1.** Theo tác giả, nỗi sợ hãi có tác hại gì?

**Câu 2.** Để tăng sức thuyết phục cho lập luận, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào?

**Câu 3.** Những câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn văn (3) có tác dụng gì?

**Câu 4.** Theo em, thế hệ trẻ cần làm gì để tạo dựng một cuộc sống *no ấm đủ đầy* cho bản thân và có đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng?

## II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

**Câu 1. (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về sự cần thiết của suy nghĩ tích cực đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hiện nay.

**Câu 2. (4,0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ), phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ sau:

**NHÀ EM Ở LUNG ĐÔI****(Lê Tự Minh)**

*Nhà em ở lưng đôi  
Nơi chim rừng thánh thót  
Bầu trời xanh dịu ngọt  
Gió tràn về mênh mang.*

*Nhà em ở lưng đôi  
Mẹ cười bên nương ngô  
Mừng năm nay được mùa  
Theo tiếng khèn xuống phố.*

*Nhà em giữa nắng vàng  
Con suối tràn bờ đá  
Hương rừng thơm mùa hạ  
Đường chiều về quanh co.*

*Nhà em ở nơi đó  
Hoa nở trắng cánh rừng  
Bầy ong theo mùi hương  
Về bên kia khe núi...*

*Nhà em ở nơi đó  
Theo cha bầy gà rừng  
Cùng lũ bạn tới trường  
Tuổi thơ xanh vời vợi.*

*Nhà của em nơi đó  
Chập chờn những giấc mơ  
Nơi dăng trào thương nhớ  
Em về nơi lưng đôi...*

(Trích *Trở về*, Lê Tự Minh, NXB Thông tin và truyền thông, 2019, tr.12-13)

**Chú thích:**

- Tác giả: Nhà thơ Lê Tự Minh sinh năm 1959 tại Nghệ An, quê Thừa Thiên Huế. Từng sinh sống và học tập ở Liên bang Nga. Hiện ông sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Lê Tự Minh sáng tác thơ và dịch lời cho nhạc nước ngoài. Ông được biết đến không chỉ với những bài thơ giàu nhạc tính mà còn bởi những bài hát đậm chất thơ. Tác phẩm của ông là sự trang trải nỗi lòng, chứa đựng tình cảm đối với gia đình, bạn bè, đồng đội và rộng hơn là tình yêu Tổ quốc Việt Nam và tình yêu nước Nga.

- Bài thơ *Nhà em ở lưng đôi* viết năm 1980, sau đó được nhạc sĩ Đức Trịnh phổ nhạc thành bài hát cùng tên.

----- HẾT -----

(Đề thi gồm 02 phần, trong 02 trang)

## I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

### ÔNG NỘI VÀ ÔNG NGOẠI

(Lược một đoạn: Minh sống với bố mẹ và ông nội ở Hà Nội. Minh rất gần gũi và yêu ông nội, không hề biết gì về ông ngoại vì ông ngoại đi từ ngày mẹ Minh còn rất bé. Ông vào Nam làm ăn, rồi đất nước chia cắt, ông ngoại không về nữa. Bao nhiêu năm bất tin, mãi tới khi Sài Gòn giải phóng, có người từ Nam ra, cầm thư của ông ngoại đến cho mẹ, mẹ mới biết là ông còn ở Sài Gòn. Hai mẹ con Minh sửa soạn lên đường vào Sài Gòn gặp ông ngoại. Vào đến nơi, Minh thấy ông ngoại đã già yếu và sống rất nghèo khổ. Ông rất yêu thương Minh nhưng Minh vẫn thấy xa cách với ông).

Lại nói đến cái món đồ chơi của ông ngoại cho nữa chứ! Đó là cái xe gíp bằng sắt, có hai súng máy lắp đá lửa ở trên xe, khi vặn khóa rồi thả cho xe chạy, thì hai khẩu súng bắn ra những tia lửa nhỏ xíu. Minh cũng thích chiếc xe này đấy, nhưng giả thử nó mới thì thích hơn nhiều. Đằng này xe lại cũ quá rồi, lăm chỗ đã bong lớp mạ trắng và bắt đầu gỉ.

- Sao ông bảo yêu con mà lại cho con một cái xe cũ như thế nhỉ? - Có lần Minh hỏi mẹ như vậy với một giọng trách móc ông ngoại.

- Này, con đừng có nói thế, ông không yêu con sao ông toàn nhường thịt, cá cho con ăn thôi.

- Ông chả bảo với mẹ là ông thích ăn cà. Với lại ông bảo ông thích ăn đầu cá vì bao nhiêu mắm muối nó ngấm cả vào đó là gì.

- Con chả hiểu gì về ông cả.

(Lược một đoạn: Thấy mẹ mắng và mắt mẹ đỏ hoe, Minh dần hiểu và không dám gây chuyện nữa)

Ban đêm ông bảo Minh nằm với ông cho vui. Giường ông rộng, nhưng miếng đệm mút lại hẹp và mỏng chỉ trải vừa một người nằm. Ông gói một bọc quần áo rách. Chăn màn ông vàng khè và hôi hám. Ông để Minh nằm lên miếng đệm, còn ông nằm ra ngoài chiếu, sát trong tường.

- Sao ông không nằm đệm? - Minh rụt rè hỏi.

- À, vì ông thích nằm chiếu cho mát. Khí hậu trong này nóng bức lắm. Cháu ngủ đi.

Ông nói vậy rồi hai ông cháu im lặng. Hình như ông cũng không ngủ được...

Đã sắp hết một tháng kể từ ngày mẹ con Minh vào thăm ông ngoại. Mẹ bảo sắp hết phép, phải về, Minh cũng thấy nhớ ông ngoại.

Ông ngoại tiễn mẹ con Minh ra bên xe, trước khi mẹ con Minh lên xe, ông rút cái bút máy trong túi áo ra đưa cho Minh và nói:

- Ông chỉ còn cái bút này quý nhất ông cho cháu, cháu giữ lấy để viết thư cho ông. Ông già rồi, chả biết chết lúc nào, dùng cái bút này nó phí đi!

Đó là cái bút Pi-lôt nắp mạ vàng, bút đã cũ lắm rồi, màu nắp đã bạc và sây sát cả.

- Cái xe gíp ông cho cháu ấy, ông cũng đã để dành từ lâu rồi, từ khi nghe tin mẹ cháu đẻ con trai, ông đã mua cái xe ấy, nhưng chả biết nhờ ai gửi cho cháu được, ông vẫn để chờ cháu đấy.

Bây giờ Minh mới hiểu ra là tại sao cái xe gíp ấy nó lại cũ. Minh còn hiểu thêm là ông rất nghèo. Trước kia ông làm người giữ sách ở thư viện Sài Gòn, nhưng rồi sau ông bị ho lao, ba năm trời nằm trong bệnh viện làm phúc, chả có ai chăm sóc. Bây giờ ông già yếu quá rồi, chỉ quanh quẩn bán dần đồ đạc trong nhà để sống tạm. Ông sống có một mình, bà trẻ của ông đã bỏ khi ông ốm đau...

Khi xe sắp chạy, cả mẹ và ông đều rần rần nước mắt. Mẹ bảo:

- Thôi ông về, trời sắp mưa rồi kìa. Sang năm con lại cho cháu vào thăm ông. Nhưng ông ngoại vẫn đứng đó. Xe bắt đầu chuyển bánh, trời đổ cơn mưa.

Minh thấy ông giương cái ô đen. Ông đứng lẫn giữa bao nhiêu người và xe cộ. Xe chạy xa dần, rồi quặt vào một góc phố. Minh chỉ còn thấy chiếc ô đen giờ lên cao rồi khuất hẳn. Minh quay sang nhìn mẹ. Mẹ im lặng, nước mắt giàn dụa. Minh cũng nghẹn ngào muốn khóc. Thương ông ngoại quá đi mất! Bây giờ ông lại về một mình với căn phòng hẹp, với chần màn cũ, vá. Minh thấy thương cả cái ô đen vừa khuất sau góc phố.

- Mẹ ơi, thế bây giờ ai nuôi ông?

- Bác con, bác con sắp chuyển công tác vào trong này để nuôi ông ngoại.

- Bao giờ con lớn con cũng nuôi ông ngoại. - Minh nói đến đây rồi rúc đầu vào lòng mẹ khóc thút thít.

(*Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, Xuân Quỳnh, NXB Kim Đồng, 2023, tr.35-45)

**Chú thích:** Xuân Quỳnh (1942 - 1988), tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, không chỉ là một nhà thơ nữ trữ tình nổi tiếng của thơ ca Việt Nam hiện đại, Xuân Quỳnh còn là cây bút có duyên trong những truyện ngắn cho thiếu nhi. Truyện viết cho thiếu nhi của chị vừa giản dị, gần gũi với cuộc sống, vừa sâu sắc, chan chứa tình người, vô cùng trong trẻo, thuần khiết, giàu chất nhân văn.

Truyện ngắn “Ông nội và ông ngoại” là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Xuân Quỳnh viết cho thiếu nhi.

### Trả lời các câu hỏi sau:

**Câu 1.** Trong văn bản trên, nhân vật ông ngoại đã có những hành động nào thể hiện sự yêu thương, quý mến Minh?

**Câu 2.** Trong các câu văn sau câu nào là câu rút gọn?

*Minh quay sang nhìn mẹ. Mẹ im lặng, nước mắt giàn dụa. Minh cũng nghẹn ngào muốn khóc. Thương ông ngoại quá đi mất!*

**Câu 3.** Trong văn bản trên, tại sao mẹ lại nói với Minh rằng: *Con chả hiểu gì về ông cả?*

**Câu 4.** Trong cuộc sống, có lúc em sẽ nhận được món quà từ người khác nhưng bản thân không thực sự thích thú giống như Minh nhận chiếc xe gíp, chiếc bút Pi-lôt nắp mạ vàng từ ông ngoại. Em sẽ ứng xử như thế nào trong những tình huống ấy? Vì sao?

## II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

**Câu 1. (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tình cảm của Minh đối với ông ngoại trong truyện *Ông nội và ông ngoại* (Xuân Quỳnh).

**Câu 2. (4,0 điểm)**



Bức hình trên cho thấy hiện tượng nở rộ các trang mạng xã hội hiện nay. Làm thế nào để sử dụng những mạng xã hội này một cách hiệu quả? Em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề trên.

----- HẾT -----